

Bản án số **60**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2024.
V/v: Xin L hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hà Văn Yển, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc xin L hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm: 1998,

Địa chỉ: Bản Nà Tân, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Nà Tân, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin L hôn nộp ngày 20/02/2024, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa N đơn chị Lò Thị P trình bày:

Chị và anh Lò Văn N kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 11 năm 2016. Khi kết hôn cả hai đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ anh N một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc

đến tháng 02/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, N nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống L thân nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Từ những mâu thuẫn nêu trên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Lò Văn N.

- Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng chị có 02 con chung: cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Lò Minh T, sinh ngày 15/07/2019. Khi L hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Khánh L đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, còn anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Minh T đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi (Vì từ khi L thân thì cháu L hiện nay đang ở với chị, còn cháu T đang ở với anh N). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lò Văn N trình bày.

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống L thân, con chung anh N nhất trí như chị P khai. Nay anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc chị P có đơn xin L hôn với anh, anh nhất trí.

Về con chung: Sau khi L hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu chị P đóng góp tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay N đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đã có bản tự khai. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Lò Thị P và anh Lò Văn N được L hôn.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016 và giao cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh T, sinh ngày 15/07/2019 đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không bên nào phải đóng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, về nợ chung không có.

Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trình tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

N đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về N nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và chính thức hai anh chị đã sống L thân với nhau từ tháng 02 năm 2022. Từ đó hai anh chị không đi lại thăm hỏi nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P có đơn xin L hôn với anh N, anh N nhất trí.

Về tình cảm cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều nhất trí L hôn, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, cần giải quyết cho hai bên được L hôn.

Về con chung: Quá trình giải quyết hai bên không thống nhất được việc nuôi con chung sau khi L hôn. Chị Lò Thị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016. Anh Lò Văn N xin được nuôi cả hai cháu.

Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Lò Thị Khánh L về nguyện vọng của cháu sau khi bố mẹ L hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị Lò Thị P.

Xét thấy từ khi L thân cháu L vẫn do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu là con gái, nên việc giao cháu cho chị P nuôi là phù hợp để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu sau này. Do vậy cần giao cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và giao cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh T, sinh ngày 15/07/2019.

Không bên nào phải đóng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung: Hai đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên không đề cập việc giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định:

Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lò Thị P và anh Lò Văn N được L hôn.

2. Về con chung xử:

Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016. Đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh T, sinh ngày 15/07/2019, đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không bên nào phải đóng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi L hôn.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Chị Lò Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000465, ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Báo cho N đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lập; huyện Mộc Châu.
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Các hội thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày 04 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh và bà Nguyễn Thị Hiền.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi ... giờ ... phút ngày 04/4/2024, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin L hôn giữa.

- N đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm: 1998,

Địa chỉ: Bản Nà Tân, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Nà Tân, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lò Thị P và anh Lò Văn N được L hôn.

2. Về con chung xử:

Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị Khánh L, sinh ngày 06/02/2016. Đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh T, sinh ngày 15/07/2019, đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không bên nào phải đóng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi L hôn.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về nợ chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

5. Về án phí:

Chị Lò Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000465, ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Báo cho N đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Các hội thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

